

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2020/HS-ST
Ngày: 20-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Phan Văn T** - sinh năm 1992 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L (đã chết) và bà Bùi Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18-02-2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 27-02-2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Phạm Văn T1** - sinh năm 1997 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X (đã chết) và bà Đỗ Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18-02-2020, sau đó chuyển tạm giam

từ ngày 27-02-2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Tuấn A (không triệu tập tới phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17-02-2020, tổ công tác Công an phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực trước cổng đền B, đường bờ sông, xã P, thành phố Đ phát hiện Phan Văn T điều khiển xe máy biển kiểm soát: 18F5-8003 chở Phạm Văn T1 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, tổ công tác thu giữ trong tay phải của T1 02 gói nhỏ giấy bạc màu trắng, mở kiểm tra bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng (T và T1 đều khai là 02 gói Heroine). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng rồi đưa T, T1 cùng người làm chứng về trụ sở lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của T 01 xe máy biển kiểm soát: 18F5-8003 (đã cũ).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã trưng cầu giám định vật chứng thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 188/GĐKTTHS ngày 21-02-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong 02 gói giấy bạc màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại chất ma túy là: Heroine, có khối lượng 0,292 gam (không phải hai chín hai gam).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Phan Văn T và Phạm Văn T1 khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để cùng sử dụng, đồng thời khai nhận về nguồn gốc số ma túy như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17-02-2020, sau khi làm xong công việc tại công trình xây dựng ở khu vực ngã ba N, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định, T rủ T1 đi lên thành phố Đ mua Heroine về sử dụng chung. T1 đồng ý. T1 nói không có tiền thì T nói có 200.000 đồng. T và T1 thỏa thuận: T bỏ 200.000 đồng mua Heroine, khi nào có tiền T1 sẽ trả T 100.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy biển kiểm soát: 18F5-8003 chở T1 đi từ chỗ làm đến khu vực đền B, xã P, thành phố Đ. Đến nơi, T dừng xe và đưa cho T1 200.000 đồng để T1 đi mua ma túy còn T đứng đợi. T1 cầm tiền đi bộ vào một ngõ nhỏ gần khu vực đền B (không nhớ số ngõ) và mua của một người phụ nữ (không rõ lai lịch, địa chỉ) đang đứng ở trong ngõ 02 gói Heroine với giá 200.000 đồng. T1 cầm 02 gói Heroine vừa mua được trong tay phải rồi đi ra chỗ T đang đợi và nói với T mua được Heroine rồi. Sau đó, T điều

khuyến xe chở T1 đi về tìm nơi sử dụng. Khi T và T1 đi đến khu vực trước cổng đền B, đường bờ sông, xã P, thành phố Đ thì bị phát hiện bắt giữ.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 18F5-8003, Phan Văn T và Phạm Văn T1 khai mượn của anh Phạm Văn D, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Do anh Phạm Văn D không biết việc Phan Văn T và Phạm Văn T1 mượn xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam định đã trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn D.

Đối với đối tượng đã bán gói ma túy cho Phan Văn T và Phạm Văn T1, hiện tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ kết luận nên cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Bản cáo trạng số 128/CT-VKSTPNĐ ngày 22-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 tại phiên tòa thể hiện hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 21 tháng tù đến 27 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 nói lời sau cùng: Xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17-02-2020, Phan Văn T và Phạm Văn T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,292 gam Heroine mục đích để cùng sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang tại khu vực trước cổng đền B, đường bờ sông, xã P, thành phố Đ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; khối lượng Heroine các bị cáo tàng trữ mục đích để sử dụng là 0,292 gam nên các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về cá thể hóa hình phạt: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: bị cáo Phan Văn T là người khởi xướng, bỏ tiền mua ma túy nên xếp vai trò đầu vụ; bị cáo Phạm Văn T1 là người trực tiếp mua ma túy nên xếp vai trò thứ hai.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện tội phạm, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xử phạt các bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Phan Văn T xếp vai trò đầu vụ nên mức hình phạt sẽ cao hơn so với mức hình phạt của bị cáo Phạm Văn T1.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng; các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy đã thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 01 năm 09 tháng tù (Một năm chín tháng tù). Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 18-02-2020.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù). Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 18-02-2020.

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16-4-2020).

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn T1 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Phan Văn T và Phạm Văn T1 được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ